

Dân tộc học



NƯỚC NGOÀI

(Tiếp theo)

Các khuynh hướng cố hữu trong mô hình Đa sắc tộc

Nếu các thành viên của từng nhóm tộc người cố gắng làm cho thực tế văn hoá phù hợp với lý luận Đa sắc tộc thì họ sẽ phải bắt đầu với các thành tố văn hoá mang tính tổ chức mà họ đã có hoặc có thể có chung với nhau. Nhưng các thành tố văn hoá có thể có để thực hiện mục đích hoá ra là, với một ngoại lệ, khó có thể là phù hợp và, tồi tệ hơn, là nguồn gốc tiềm tàng của sự khó xử về chính trị. Ngoài các hệ thống luật nhân sự (32) đã mất hiệu lực của họ hiện nay, các yếu tố văn hoá có thể có đang bàn tới chỉ là: đối với người Trung Quốc là ngôn ngữ viết Trung Quốc; đối với người Ấn Độ là hệ thống đẳng cấp; đối với người Mã Lai là đạo Hồi và đối với người lai Á-Âu là tiếng Anh và tính Singapore chính cống của văn hoá. Hãy cho phép chúng tôi lần lượt kiểm chứng từng trường hợp này.

Người Trung Quốc. Bản sắc Trung Quốc vì nhiều cái gọi là các thổ ngữ được nói ở Singapore, chỉ có thể tìm được bằng chứng thông qua việc giáo dục bằng tiếng Trung Quốc phổ thông. Trong khi thừa nhận điều này, đã có một số cuộc thảo luận ở Singapore về 'giá trị đạo đức' mà được coi là cố hữu trong bản thân tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, về mặt chính trị và kinh tế mọi sự phát triển theo khuynh hướng đó sẽ là đối lập

LOGIC VĂN HOÁ CỦA "HỆ TƯ TƯỞNG ĐA SẮC TỘC" CỦA SINGAPORE

GEOFFREY BENJAMIN

với việc sử dụng và khuyến khích chính thức việc sử dụng tiếng Anh trong sống công chúng ở Singapore.

Người Ấn Độ. Hệ thống đẳng cấp là một cái mà mặc dù nó vẫn hoạt động ở nước Cộng Hoà, nhưng người Ấn Độ ở Singapore không nói về nó một cách công khai. Trên thực tế, khó có thể có được bất kỳ số liệu xã hội học nào về đẳng cấp ở Singapore. Nếu hệ thống đẳng cấp đã được làm cho hoạt động đầy đủ đối với người Ấn Độ ở Singapore như là chất văn hoá đối với bản sắc tộc người của họ, nó có thể xung đột trực tiếp với tinh thần bình đẳng của chế độ do nhân tài nắm quyền dưới tổ chức chính trị và kinh tế của nước Cộng hoà.

Người Mã Lai. Sự tuyên truyền cho Hồi giáo như là một tiếng gọi khôi phục lại tính Mã Lai sẽ là i) mang tính huỷ hoại bất cứ tính riêng biệt nào của người Mã Lai đã có vì đơn giản là nó sẽ hoà tan họ vào cộng đồng Hồi giáo thế giới, và (ii) về mặt chính trị, khó có khả năng sống sót ở Singapore, một nhà nước thế tục.

Người Á-Âu. Người Á-Âu tạo nên một trường hợp thú vị nhất ở chỗ, xem xét một cách khách quan, họ dường như đã đạt được một tính Singapore chính cống của văn hoá -văn hoá của họ, sau cùng, chỉ là một trong số bốn văn hoá đã phát triển lên trong phạm vi Singapore. Tiếc là nền văn hoá dân tộc của Singapore càng đòi hỏi mỗi 'sắc tộc' phải có một văn hoá thật sự cổ xưa và có

nguồn gốc bên ngoài khác biệt cũng như một 'ngôn ngữ mẹ đẻ' để đóng vai trò như là yếu tố thứ hai của một nền giáo dục Song ngữ, người Á-Âu sẽ càng cảm thấy rằng chẳng có chỗ nào phù hợp cho họ: họ không có cả văn hoá có gốc từ bên ngoài lẫn một 'ngôn ngữ mẹ đẻ' riêng mang tính 'sắc tộc'. Thực tế là nhiều người Á-Âu đang di cư ra khỏi Singapore vì lý do ở trên ẩn chứa khả năng là mọi dấu hiệu có thể gây sự chú ý về tính Singapore thật sự phi sắc tộc mà có thể chưa phát triển có thể dẫn tới bị ức chế (hay thậm chí bị đàn áp) như là một sự đe dọa trong tiềm thức đối với mô hình Đa sắc tộc đã được thiết chế hoá mạnh mẽ. Bất kể nguồn gốc về lịch sử hoặc địa lý của nó, một văn hoá như vậy dường như là được quét nước sơn 'phương Tây' với tất cả cái mà nó ám chỉ.

Trong bài này cho tới đây tôi đã giả thuyết rằng người Singapore có chung một nền văn hoá chức năng, bất cứ cái gì họ có thể tin là đối lập: có đủ bằng chứng để chứng minh cho nền văn hoá này trên con đường có vẻ yên bình ngày lại ngày họ đi làm các công việc của họ. Nền văn hoá này có mang tính Singapore riêng biệt hay không cũng là một vấn đề.

Nhưng có nhiều người dường như không sẵn sàng để cho các vấn đề này dừng lại ở đó. Nền văn hoá thực sự, họ thấy, dứt khoát phải mang tính khác biệt cũng như tính chức năng, và mang tính dân tộc hơn là tính phụ hoạ: đó là một giải thưởng giành được qua thành công trong cuộc đấu tranh vì sự sống còn của dân tộc. Tuy nhiên, đặc điểm và hình thức có thể có của một người Singapore thực sự không dễ dàng có thể bàn tới được.

Thứ nhất, có một vấn đề về mặt thuật ngữ. Tôi cho rằng nền văn hoá chức năng

của Singapore (cho phép chúng tôi gọi nó là 'Văn hoá 1') đã được hình thành như hiện nay gắn liền với ý tưởng về Hệ tư tưởng Đa sắc tộc. Nhưng cần phải làm thành một sự đối lập giữa 'Văn hoá 1' và nền văn hoá Singapore mà người ta có thể hy vọng sẽ nổi lên ('Văn hoá 2') nếu người Singapore đã không liên tục bị dồn ép vào tình trạng thoái hoá về mặt văn hoá dựa trên cơ sở tộc người. Văn hoá 2 này mang tính khác biệt nhiều hơn nhưng vẫn nổi lên, hiện tại, tôi nghi ngờ rằng đang được tiếp cận gần nhất trong số các nhóm tộc người khác nhau bởi những người Á-Âu (34).

Thứ hai, có một sự khác biệt nữa có thể vạch ra nếu chúng ta muốn bàn tới mọi khía cạnh của vấn đề này. Một mặt, có những văn hoá thể hiện không công khai của Singapore ('Văn hoá 1' mang tính chức năng và 'Văn hoá 2' đang hình thành), trong khi đó mặt khác có một nền văn hoá 'mang tính Singapore' ('Văn hoá 3') riêng biệt, công khai, và rõ ràng mà một số muốn có nó như là ngọn cờ của tinh thần dân tộc Singapore. Tất nhiên, nhiều người Singapore dường như vẫn đang đi tìm cơ sở văn hoá chính của 'một nước Singapore mang tính Singapore' (diễn giải lại lời kêu gọi của một thập kỷ trước đây cho 'một nước Mã Lai mang tính Mã Lai'): họ dường như không thoả mãn với 'Văn hoá 1' có khả năng sống sót nhưng tạm thời mà thông qua nó họ thể hiện ra một cách có ý nghĩa đối với nhau. Thay vì văn hoá hiện tồn này mà nó vốn là sản phẩm của 'cuộc cách mạng mang tính Singapore chính cống' (35) người Singapore được thể hiện như là ngọn cờ của họ vào thời điểm viết một cái gì đó không khác biệt đáng kể với 'một châu Á nhất thời' trong những cuốn sách nhỏ bỏ túi do Phòng khuyến khích du lịch xuất bản.

Ảnh hưởng trái ngược của việc hô hào cố động liên tục cho việc xem cuộc sống riêng của người ta như thể đó là một phần của một số 'cuộc trình diễn văn hoá' lớn có thể giải thích tại sao hình ảnh về một 'Châu Á nhất thời' có thể không được phần lớn người Singapore chấp nhận như là một ngọn cờ (khẩu hiệu khác được nêu ra gần đây là - 'sự sống sót' về mặt kinh tế- cũng là quá trống rỗng để đóng vai trò, như Soli Chu đã trình bày một cách rõ ràng ở đâu đó trong tập sách này).

Hiện nay, người ta bàn cãi nhiều văn hoá ngọn cờ là tốt hay xấu. Các nhà lãnh đạo của Singapore đã từng rất quan tâm tới một điều là một nền văn hoá Singapore như vậy dứt khoát sẽ hình thành nhưng gần đây ít thấy họ thể hiện bất kỳ quan điểm nào về mầm mống hoặc thậm chí là khả năng có thể có (36).

Tới đây tôi muốn mở rộng những nhật xét trước đây của tôi về thực trạng văn hoá cao ở Singapore. Hiện nay, có thể xem là được tự do hơn trước trong việc nói Singapore như một 'sa mạc văn hoá'; ngay cả các nhà lãnh đạo Chính phủ đôi khi cũng nói như vậy, tuy thường không phải bằng những lời lẽ thẳng thừng. Sự cố động cho 'một cuộc sống bao dung', sự tô điểm khu công nghiệp Jurong với các khu vườn "Trung Quốc" và "Nhật Bản", sự bồi dưỡng nghệ thuật và năng khiếu âm nhạc (nhưng lại mang tính phương Tây) trong các nhà trường, và bản thân chính sách song ngữ là những dấu hiệu của một sự nhận thức là có một lỗ hổng trong nền văn hoá của Singapore.

Vấn đề đặc biệt trầm trọng trong các trường học nơi mà có biểu hiện rõ ràng nhất của việc thừa nhận công khai sự giảm sút về

trình độ ngôn ngữ. Phản ứng chung cho rằng người dân đã không cố gắng hết mình để cải thiện tình hình; nhưng nếu sự lập luận trong bài viết này là logic, các nhân tố mang tính thiết chế gắn với Hệ tư tưởng Đa sắc tộc rõ ràng cũng đóng một phần quan trọng.

Sự nan giải tăng lên gấp đôi. Việc đánh giá đầy đủ về sự phong phú của các văn hoá Trung Quốc, In-đô-nê-xia, Ấn Độ bị ngăn cản bởi nỗi sợ ở các cấp chính quyền là người Singapore sẽ hướng mối quan tâm của mình tới các vấn đề ở tổ quốc của họ nhất là ở Trung Quốc. Mặt khác, việc nâng cao nhận thức về mặt nghệ thuật hiện đại bị hạn chế bởi nỗi lo về 'sự suy đồi phương Tây' hay sự khó chịu đối với chủ nghĩa 'hưởng lạc' tư sản mà hậu quả được xem là bắt nguồn từ sử dụng các nghệ thuật vì mục đích vụ lợi của họ. Ít khi người ta muốn biết những người Singapore bị buộc tội-thường trong các giai đoạn trừng phạt về tôn giáo-là không chú ý gì tới ý nghĩa của bản thân các nền văn hoá Châu Á họ coi là đã sống được vì chúng hoặc về thái độ thù nghịch đối với văn hoá được thể hiện ở trong cái mà Ông S.J. Ragiaratnam gọi một cách phù hợp là 'chủ nghĩa tiên'. Các sách giáo khoa về khoa học nhân văn được xuất bản ở các địa phương thể hiện một bức tranh mờ nhạt về tình trạng mất gốc của nền văn hoá Singapore. Thường một khoá học bậc trung về 'sự liên quan' kinh tế được hướng dẫn giữa Scylla về chính sách Đa sắc tộc chiếu lệ một chính sách với đầy đủ hình thức nhưng không có nội hàm và Charybrdis về sự ràng buộc vào bản chất văn hoá và nghệ thuật mà là quá nhiều bất đồng với sự lý tưởng Đa sắc tộc được dùng trong hiện tại.

Tôi nghĩ, bài học ở đây là một cách nhìn cũng không phải là một cách nhìn (37).

Khẳng định quá chắc chắn đối với mô hình xã hội Đa sắc tộc là đóng kín cách nghĩ của người ta đối với khả năng của một số mô hình phi sắc tộc khác đối với xã hội- một xã hội mà chắc chắn sẽ phù hợp hơn với giấc mơ trước đây của người Singapore. Mặt khác, chỉ hướng tới mô hình Đa sắc tộc mà không có sự ràng buộc về mặt tình cảm đối với nó, như là trường hợp của phần lớn người Singapore, đã làm cho nó giống như là ảnh hưởng đối lập sẽ nổi lên. Trong khi có thể sự thật là một cách nhìn cũng không phải là một cách nhìn, cũng đúng là tất cả sự kiến tạo về mặt hệ tư tưởng chứa trong bản thân chúng những mâu thuẫn. Đối với một số người có lẽ hơi buồn với một số sản phẩm nghệ thuật và giải trí nhất là Hệ tư tưởng Đa sắc tộc, sự đối lập mang tính ảo tưởng và tối tăm của nó- một số loại chủ nghĩa phi chủng tộc- tất nhiên phải nhập vào suy nghĩ của anh ta. Rồi khi đó câu hỏi sẽ là liệu các thiết chế văn hoá và xã hội của Singapore có đủ mềm dẻo để người dân tạo ra một sự thay đổi về mặt đường lối như vậy.

Một số so sánh

Đối với một số độc giả, biện luận của bài viết này có lẽ là khó tin. Vì vậy, hãy để tôi kết thúc ở đây bằng gợi ý là chẳng có gì là tất yếu về cách quản lý văn hoá và tộc người hiện nay của Singapore và điều này có thể hiểu được một cách tốt hơn thông qua việc so sánh với các xã hội đa tộc người khác mà ở đó các nhà lãnh đạo đã chọn những cách làm khác. Đối với tôi thì dường như là từ quan điểm mang tính cấu trúc, ba nhà nước mới khác có triển vọng đầy hứa hẹn cho một sự so sánh như thế này (36).

Những mối liên hệ về mặt lịch sử của Singapore với Malaysia gần gũi tới mức mà không một nghiên cứu so sánh nào lại có thể

bỏ qua đất nước này; nhưng những khác nhau giữa chúng lại làm ngạc nhiên nhà quan sát. Ở Singapore tộc người và văn hoá được coi như là bắt nguồn từ 'chủng tộc', trong khi đó đối lập lại ở Malaysia vấn đề tộc người và chủng tộc được coi như là phát sinh từ 'văn hoá'. Tương tự tộc người ở Malaysia được coi như là một thực tế của đời sống không thể thay đổi và thu nhỏ mà các cá nhân và nhà nước phải giáp mặt. Nền văn hoá dân tộc của Singapore được xem như là chẳng hơn gì một bộ sưu tập 'các văn hoá' hợp phân tự trị về bản chất. Mặt khác, ở Malaysia, vấn đề tộc người được xem như là (ít nhất là tiềm năng) có thể biến đổi và giảm xuống vì đó là sự đồng hoá các mô hình văn hoá (có liên quan cần thiết tới sự biến đổi và thay thế) mà hiện nay hình thành nên cơ sở của việc vạch ra kế hoạch văn hoá ở cấp quốc gia. Văn hoá dân tộc mà người Ma Lai hy vọng đồng hoá với nó là một văn hoá được coi là bản địa đối với đất nước và vì vậy được coi là đồng nhất về bản chất.

Tuy nhiên, Malaysia không phải là sự đối lập hoàn toàn đối với Singapore: chính xác hơn nó là Israel, đã cung cấp một trường hợp hỗ tương phù hợp hơn. Trong khi Singapore đưa ra nhiều bằng chứng sát thực hơn về sự đồng dạng văn hoá bên trong bất chấp huyền thoại về sự khác biệt văn hoá và chủng tộc có nguồn gốc từ bên ngoài, Israel trình bày bằng chứng về sự biến thể đáng kể về văn hoá, tộc người, và ngay cả 'chủng tộc' có nguồn gốc từ bên ngoài bất chấp huyền thoại chứa đựng đầy đủ về sự thống nhất văn hoá và tộc người (tức là người Do Thái) bên trong. Cả hai nước đều có những vấn đề phức tạp về 'quan hệ chủng tộc'; nhưng các vấn đề của Singapore chủ yếu xuất phát từ sự áp đặt hệ tư tưởng phân chia

mang tính bản chất vào một thực tế văn hoá tương đối đồng nhất, ngược lại, các vấn đề của Israel bắt nguồn một phần từ sự thất bại của hệ tư tưởng thống nhất nhằm tập hợp kinh nghiệm về một thực tế văn hoá bị phân chia của cá nhân.

Cuối cùng, một trường hợp khác diễn ra song song gần với Singapore là Kenya mà cách tiếp cận mang tính hành chính hợp lý và tiến bộ gần đây của nước này đối với việc xây dựng dân tộc có liên quan tới cách tiếp cận Đa sắc tộc khác với các cách tiếp cận của một số nước láng giềng. Bên cạnh việc có quá nhiều các nhóm dân tộc thiểu số bản địa, các nhóm người Âu và Á đa dạng và các cộng đồng buôn bán ở khu vực ven biển cũng đóng vai trò là một phần của dân tộc mới. Cũng như ở Singapore, huyền thoại về dân tộc Kenya có liên quan đến sự quan tâm tới các yếu tố được coi là tốt đẹp nhất của các văn hoá truyền thống hợp thành trong khi những thay đổi thực sự ở đất nước này lại bỏ qua gần như hoàn toàn những yếu tố văn hoá truyền thống. Ngôn ngữ dân tộc tiếp tục là tiếng Anh mặc dù Kenya khẳng định rằng (cũng như ở Singapore) ngôn ngữ dân tộc dựa trên ngôn ngữ *lingua franca* truyền thống của khu vực, trong trường hợp này là tiếng Swahili. Xét về nhiều khía cạnh khác, cảm nhận chung về đất nước Kenya hiện đại rất gần với cảm giác về đất nước Singapore hiện đại. Xét đến việc có quá nhiều sự khác biệt mang tính địa lý, kinh tế và văn hoá giữa hai nước, những tương đồng này đòi hỏi sự giải thích trong khuôn khổ những cái dù nhỏ họ có thể có chung với nhau. Trong trường hợp Kenya và Singapore, hai yếu tố dường như có tầm quan trọng to lớn: việc trải qua quá trình thuộc địa hoá của Anh; và sự tự trị tiếp theo đã do người bản địa nhưng là các

học giả được Anh đào tạo về khoa học xã hội và nhân văn lãnh đạo.

Dù cho những câu trả lời cuối cùng cho những câu hỏi này có là thế nào đi nữa, thì điều rõ ràng là các hệ thống tộc người như chúng đang tồn tại trong thế giới hiện nay không thể bị coi một cách ngây thơ như là sản phẩm của các quá trình xã hội truyền thống hoặc như là ảo ảnh của những sự tưởng tượng của các học giả nước ngoài. Dù tốt hơn hay xấu, tộc người là một sự thật xã hội phổ biến - dù không phải là toàn cầu và dường như nó gắn liền với thiết chế nhà nước dân tộc và với chính quá trình xây dựng dân tộc. Có giả thuyết cho rằng các cư dân Đông Nam Á trước đây, chẳng hạn, về mặt truyền thống là ít quan tâm tới tộc thuộc nhưng giả thuyết này chỉ đúng vững được khi các cư dân Đông Nam Á vẫn còn là các cư dân truyền thống. Sự lồng ghép mang tính tất yếu của họ trong nội bộ các nhà nước dân tộc mới đã làm cho tộc thuộc trở thành một *sine qua non* của quyền công dân có hiệu lực. Việc nhận thức ra rằng điều này là như vậy tất sẽ giúp gợi lên các biện pháp hạn chế ảnh hưởng bất lợi của nó.

Đặng Minh Ngọc dịch
Nguyễn Văn Thắng hiệu đính

1. Xem chú thích trang 13.
2. Việc có một 'nền văn hoá dân tộc' theo nghĩa này không xem như là việc loại trừ sự tiếp cận của cá nhân với các nền văn hoá khác (có nguồn gốc bên ngoài) hay chối bỏ sự tồn tại văn hoá ở các cấp độ khác nhau trong nội bộ hệ thống dân tộc, xem trang 3.
3. Xem ví dụ Báyco, 1974 và Darlington, 1969. Tuy nhiên, những ai coi thường sự khoa trương của lập luận về tính quyết định Giêc cũng nên tự hỏi mình liệu tính quyết định xã

- hội mà vẫn làm cơ sở cho sự giải thích của xã hội học và nhân học xã hội có vấn đề nào, các vấn đề đạo đức đặt sang một bên, có thể ít bị coi thường hơn về mặt trí tuệ không.
4. Ví dụ xem Leach 1960; Barth, 1969; Brown, 1974; Dentan (trong báo); Nataga, 1974.
 5. Đây không có nghĩa là một định nghĩa về văn hoá (mà sẽ đòi hỏi phương pháp tiếp cận sinh học nhiều hơn) mà chỉ là một khía cạnh được rút riêng ra của nó để nhằm phục vụ cho mục đích của báo cáo này mà thôi.
 6. Về các cuộc thảo luận xoay quanh vấn đề mối quan hệ biện chứng giữa cá nhân và văn hoá xem Berger, 1973; Wallace, 1970; Geertz, 1957; Murphy, 1972.
 7. Điều này chỉ đúng ở nơi sự tập trung hoá về mặt chính trị đã phát triển. Nơi mà không phải là thực tế điển hình ‘các thủ lĩnh’ và ‘những người cầm đầu’ đã được hình thành một cách cụ thể và vai trò của họ được gán cho như thể họ là cả các cơ quan truyền thống mà phải được bảo vệ cách xa khỏi sự biến đổi xa hơn. Tất nhiên trên thực tế, ‘sự thống trị gián tiếp’, mặc dù huyền thoại về sự cân bằng xã hội của nó, đã luôn là nhân tố chính gây nên sự biến đổi xã hội vào thời kỳ đầu của Singapore cũng như ở các nơi khác.
 8. Đây không có nghĩa là một sự tuyên bố chung về những ảnh hưởng của chế độ thực dân lên quá trình giữa các tộc người dù một số tác giả đã theo đuổi cách lập luận này. Ở đây tôi chỉ quan tâm tới cái gì thực sự được xem đã xảy ra ở Singapore một trong những xã hội đã bị thực dân hoá hầu như hoàn toàn được biết trong lịch sử.
 9. Tôi không lập luận là các nhà xã hội học và các nhà nhân học có bất kỳ sự đồng lõa trực tiếp nào với sự thống trị thuộc địa của Anh như người ta thường khẳng định, Kuper (1973: Cap. 4) đã chỉ ra rằng họ không làm như vậy.
 10. Các nhóm tộc người chính của Nước Cộng Hoà thường và tương đối vô thức được gọi là ‘các chủng tộc’ ngay cả trong những bối cảnh chính thức và hành chính.. Sự ưa thích về mặt thuật ngữ học này làm cho nó dễ dàng hơn cho việc chấp nhận một mô hình hữu cơ của sự đa dạng tộc người.
 11. Đối với thuật ngữ ‘phân chia vĩ mô’ xem Van den Berghe, 1973: 220.
 12. Một ví dụ đáng ngạc nhiên hơn về mô hình tư tưởng mang tính khuôn mẫu này được nêu ra bởi một quan chức chính phủ chịu trách nhiệm chống lại sự lạm dụng chất ma tuý người đã tuyên bố không chút may mắn châm biếm là có thể thủ tiêu việc dùng ma tuý bằng cách cắt ngắn những mái tóc dài của bọn cần quấy.
 13. Những giải thích khác về các cách mà ‘văn hoá’ được bàn tới và được quản lý ở Singapore xem Hanna, 1973 và chương của Shirley Chew trong cuốn sách này. Tuy nhiên, vào thời điểm viết, đang có các dấu hiệu chứng tỏ rằng một số thành viên Chính phủ có thể sớm xem xét cách tiếp cận của họ đối với ý tưởng về một ‘nền văn hoá Singapore’. Ví dụ, ông S. J Rajaratnam, một bộ trưởng thâm niên trong nội các của chính phủ gần đây đã gợi ý rằng sự trung thành đối với các nền văn hoá tộc người riêng sẽ làm suy yếu nền văn hoá Singapore mới, một nền văn hoá thay vì sẽ dựa trên kinh nghiệm của cuộc sống đô thị hoá trong một xã hội công nghiệp. Nhưng thông qua ý nghĩa tổng quát của những nhận xét của ông Rajaratman cùng với nhiều quan điểm được thể hiện trong báo cáo này thì ông ta thậm chí đã dự đoán sự nổi lên của một nền văn hoá Singapore như thế trong tương lai (Straits Times, 29 tháng 7 năm 1974).
 14. Báo Mirror, ngày 22 tháng 1 năm 1973.
 15. Xem chương về hôn nhân giữa các dân tộc của Hassan và Benjamin trong báo cáo này.
 16. Xem trang 130 và chú thích 39 về việc xác định đặc trưng tóm tắt của tình hình Ma-lai-xia.

17. Trong tham luận của ông về đặc điểm giả mạo của ‘văn hoá’ như nó thường được tuyên truyền cho các mục đích xây dựng dân tộc, những ý kiến của Gellner (1964: 162): ‘sự tự tưởng tượng về chủ nghĩa dân tộc có liên quan tới áp lực của văn hoá dân gian, văn hoá bình dân...v.v. Trên thực tế, chủ nghĩa dân tộc trở nên đặc biệt quan trọng khi những cái này mang tính nhân tạo. Tuy nhiên, những người nông dân chính gốc hoặc những thành viên bộ lạc giỏi nhẩy các điệu nhẩy truyền thống, nhìn chung không tạo thành những người dân tộc chủ nghĩa tốt’. Với quan điểm này, nền văn hoá Singapore như hiện nay được tuyên truyền qua các chương trình ‘trình diễn văn hoá’ dường như chẳng khác gì một sự cố gắng đúc ra ý thức dân tộc sự sáng tạo mang tính múa balê của những người nông dân nhân tạo thu hoạch lúa của họ chẳng để ý gì tới những toà nhà nhô lên cao xung quanh. Tất nhiên, sự nhân tạo được thể hiện cho mọi người xem và chỉ rất ít người phản nản.
18. Ý kiến về việc sử dụng từ “phương Tây” như một thuật ngữ về sự không đồng ý ở Singapore, xem ở dưới trang 123-4.
19. Xem Lim, 1975:38.
20. Xem Wong, 1972.
21. Hanna (1973: 9) tái tạo ra biểu ngữ chuẩn; báo cáo của anh ta là một sự hướng dẫn rất bổ ích cho cách tiếp cận ‘văn hoá’ của Chính phủ Singapore trong những năm gần đây.
22. Douglas, 1973; cũng xem Leach, 1958.
23. Bài phát biểu ở cấp bộ gần đây có đưa ra một ví dụ về mô hình tư tưởng này: ‘Chính sách song ngữ sẽ đóng vai trò phòng ngừa thế hệ trẻ của chúng ta chống lại việc thờ phụng và ưa thích văn hoá không lành mạnh và làm cho họ hiểu rằng “họ là họ, và chúng ta là bản thân chúng ta” (Tiến sĩ Lee Chiaw Meng, viết cho tờ The Mirror, ngày 8 tháng 1 năm 1973).
24. ‘Tôi cố gắng đăng ký khai sinh cho con trai tôi là người Singapore nhưng người quản lý không cho phép tôi... cô ta thuyết phục tôi rằng thằng bé phải được khai sinh như người Ấn Độ dựa vào những gì có trong chứng minh thư của tôi... và vì người ta nghĩ rằng điều đó không đủ mặc dù cô ta cũng nhận thấy rằng thổ ngữ của con tôi như là tiếng Mã Lai...Đó được coi là tiếng mẹ đẻ của tôi nhưng tôi lại không biết từ nào của ngôn ngữ này’. Mặc dù đó là kinh nghiệm của một trong số thông tin viên có mối quan hệ hôn nhân liên tộc người của Janet Lim.
25. Ví dụ xem Hassan, 1970 và Tan, 1972: 46-50.
26. Xem báo cáo tổng điều tra năm 1970, chương 11, đặc biệt là các bảng 11.2 và 11.3.
27. Sự nguy hiểm đáng kể là cố gắng này nhằm tạo ra các giá trị chung từ một hệ tư tưởng mà rốt cuộc là chỉ đặc trưng cho một nhóm tộc người (và của riêng tầng lớp thượng lưu trong số họ) dường như để làm cơ sở cho những ý kiến gân dây của Nghị sĩ Quốc hội đối với Bộ giáo dục là ‘sự thận trọng cần phải được thực hiện để đảm bảo rằng thuyết trung tâm tộc người không được đẩy mạnh một cách vô thức trong việc giảng dạy ở khoá học. (Strait Times, 31 tháng 12 năm 1974).
28. Tờ The Mirror được xuất bản vào ngày 8 tháng 1 năm 1973.
29. Một báo cáo trong tờ New Nation được xuất bản vào ngày 25 tháng 9 năm 1974 đã tham khảo một nữ sinh người đối sang nói tiếng Trung Quốc phổ thông ở nhà nhưng lại thuộc về một nhóm học sinh ‘không bị nản chí bởi một thực tế là tiếng Trung Quốc chỉ là ngôn ngữ thứ hai của họ’. Tuy nhiên, khái niệm ‘ngôn ngữ thứ hai’ được sử dụng chính thức trong một mục đích được định hướng các môn học để tham khảo cho ngôn ngữ người ta học chứ không phải là bằng ngôn ngữ đó người ta nhận được phần lớn kiến thức của mình.

30. Để biết thêm thông tin về tình hình giáo dục và ngôn ngữ ở Singapore xem các chương trong tập sách này của Shirley Chew, Eddie Kuo và S Gopinathan. Thực ra hiện nay dường như không có hạn chế gì lớn đối với học sinh muốn học ‘ngôn ngữ thứ hai của mình’ một ngôn ngữ ngoài ‘ngôn ngữ mẹ đẻ’ của họ; Chẳng có gì khó khăn để tìm ra các học sinh người Mã Lai học tiếng Trung Quốc phổ thông hay học sinh Ấn Độ học tiếng Mã Lai. Trong những trường hợp như vậy tính thực dụng của cha mẹ dường như đã tìm cách né tránh mục đích ban đầu của cách tiếp cận song ngữ. Tôi không thể đánh giá được liệu câu nói được nghe đi nghe lại nhiều lần ở Singapore sau đây có phải là một biểu hiện nữa của chủ nghĩa thực dụng ở Singapore không: “ Ông ta nói tiếng Anh và tiếng Pháp, và thêm vào đó ông ta cũng là người nói hai ngôn ngữ”.

31. Xem New Nation, ngày 13 tháng 11 năm 1972, trang 8.

32. Xem Hooker n.d về các truyền thống pháp khác nhau. Thể hình không được coi như là một nguyên tắc cố thể của tổ chức nhóm tộc người bởi nó khác xa với tính riêng biệt về mặt tộc người. Ví dụ, phần lớn người Mã Lai và Trung Quốc là thuộc nhóm Mongoloid, và người Singapore thường nhầm lẫn về thành phần dân tộc của họ khi dựa vào đặc điểm hình thể để xác định. Các truyền thống nấu nướng mang tính tộc người khác nhau cũng đang bị loại trừ, đối với người Singapore chắc sẽ là miễn cưỡng phải giữ lại một số tập quán trong ăn uống.

33. Xem Chiew Seen Kong, 1971 trang 150-63, và bài của Kuo's trong tập sách này. Đây là một điểm thích hợp dùng để đề cập tới một khía cạnh của hệ tư tưởng Đa sắc tộc mà tôi đã bỏ lại không thảo luận tới trong bài này: mong muốn của tầng lớp thống trị ở Singapore là hạn chế dân tộc đi theo hướng

‘giáo dục bằng tiếng Anh’ của bản thân họ. Có thể lập luận rằng hệ tư tưởng Đa sắc tộc phục vụ cho các mục đích chính trị như là một phương tiện tuyên bố tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai bình đẳng cho tất cả các nhóm tộc người khác vì vậy không có một nhóm nào (cụ thể nhóm hấp thụ nền giáo dục bằng tiếng Trung Quốc) cảm thấy bị đe dọa đặc biệt bởi sự Anh ngữ hoá mạnh mẽ của Singapore. Cuộc thảo luận khác về điểm này không được nêu ra ở đây nhưng nó vẫn là một vấn đề có giá trị nghiên cứu mà có lẽ phù hợp hơn đối với các nhà khoa học chính trị.

34. Tôi hy vọng sẽ cố gắng xác định đặc điểm của nền văn hoá Singapore này trong báo cáo sau.

35. Mac Dougall, n.d.

36. Với một ngoại lệ đáng lưu ý đó là bài phát biểu gần đây của ông S. J Rajaratnam's (xem chú thích 13) đã thể hiện một sự hiểu biết về các động thái xã hội và văn hoá ở một mức độ không bình thường đối với các cuộc thảo luận công khai ở Singapore.

37. C. Geertz, 1964.

38. Các ý kiến sau đây về Malaysia, , Israel và Kenya dựa nhiều trên kinh nghiệm cá nhân hơn là nghiên cứu đã được công bố. Tuy nhiên, mục đích của tôi là không phải là hạn chế cuốn sách trong phạm vi những vấn đề cũ mà là gợi ý một số hướng cho nghiên cứu trong tương lai.

39. Những phức tạp nổi lên ở Malaysia như là kết quả của sự khẳng định thường thấy là i) văn hoá Mã Lai là nền văn hoá bản địa của đất nước và ii) văn hoá Malaysia có vẻ giống với văn hoá Hồi giáo đã được nêu ra cho các vấn đề quản lý tộc người và văn hoá mà ít ra khó có thể giải quyết ở Singapore. Nhưng chúng là các vấn đề khác biệt – một điểm thường không được thừa nhận và vì thế nó không được thảo luận ở đây.